



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0035493

(51)⁷ A61K 8/02; A61Q 1/00; A61K 8/87;
A61K 8/04; A61K 8/06

(13) B

(21) 1-2018-02413

(22) 06/11/2015

(86) PCT/KR2015/011930 06/11/2015

(87) WO/2017/078204 A1 11/05/2017

(45) 25/04/2023 421

(43) 25/09/2018 366A

(73) LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)

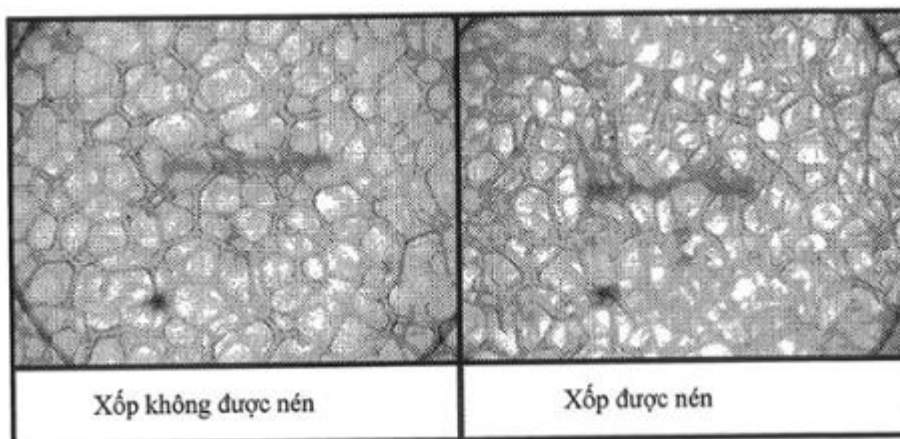
58, Saemunan-ro, Jongno-gu, Seoul 03184, Republic of Korea

(72) KANG, Sung-Soo (KR); KIM, Hyeon-Jeong (KR); PARK, Sang-Wook (KR).

(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) MỸ PHẨM TRANG ĐIỂM CÓ VẬT LIỆU TẨM ĐƯỢC CẢI TIẾN VÀ VẬT LIỆU TẨM NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến mỹ phẩm có vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng được tẩm hợp phần mỹ phẩm; và một dụng cụ bôi, và cung cấp một mỹ phẩm khác biệt ở chỗ vật liệu tẩm bao gồm một phần được nén trên một bề mặt tiếp xúc với dụng cụ bôi. Mỹ phẩm theo sáng chế có khả năng phân phối đều một lượng mỹ phẩm ngay từ lần đầu tiên, và có thể ngăn ngừa lượng mỹ phẩm bị lấy ra quá nhiều ngay từ lần đầu tiên.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến mỹ phẩm trang điểm bao gồm một vật liệu tắm được cải tiến trong đó chất trong mỹ phẩm được cung cấp. Cụ thể hơn là, sáng chế đề cập đến mỹ phẩm trang điểm có khả năng kiểm soát lượng chất mỹ phẩm đã được tắm được lấy ra một cách đồng đều.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Nói chung, các loại chất trong mỹ phẩm dạng nước trong dầu (W/O) hoặc dầu trong nước (O/W) có dạng lỏng thường được chứa trong tuýp hoặc loại có dạng vòi bơm để sử dụng. Tuy nhiên, vấn đề là các dạng này tương đối bất tiện để mang theo và sử dụng.

Theo các nghiên cứu liên quan, số JP 2003-12457, KR 10-1159877 và EP 0 528 705 đề xuất một sản phẩm có thể dễ dàng mang theo bao gồm chất mỹ phẩm được chứa trong vật liệu tắm có nhiều lỗ rỗng, ví dụ như bọt uretan và được bôi lên da bằng cách sử dụng một dụng cụ bôi, ví dụ như bông thoa phấn.

Miếng xốp dùng để tắm được đưa ra bởi giải pháp kỹ thuật nêu trên được tạo ra nhờ quá trình tạo bọt. Các ô bọt được tạo ra trong miếng xốp hầu hết đều là ô hở và có cấu trúc nhiều lỗ rỗng có khả năng cung cấp chất mỹ phẩm.

Khoảng trống bên trong được tạo ra trong suốt quá trình tạo bọt của miếng xốp có kích thước lỗ lớn cho phép tắm dễ dàng. Tuy nhiên, có một vấn đề là lượng mỹ phẩm được lấy ra quá nhiều khi vật liệu tắm chịu áp lực bởi bông thoa phấn khi thoa lên. Cụ thể là, khi vật liệu tắm chịu áp lực bằng tay mà không sử dụng một miếng bông thoa phấn riêng biệt để thoa, người dùng có thể cảm nhận được lượng mỹ phẩm được lấy ra thông qua cảm nhận của tay. Tuy nhiên, khi lượng được phân phối bằng một bông thoa phấn riêng biệt và sử dụng, lượng mỹ phẩm lấy ra sẽ có cảm giác ít hơn, do đó lượng mỹ phẩm bị lấy ra thừa ở lần sử dụng đầu tiên.

Khi lượng mỹ phẩm được lấy ra quá nhiều từ vật liệu tắm, một lượng lớn chất mỹ phẩm được sử dụng lần đầu tiên không mong muốn sẽ làm giảm hiệu quả của chi phí. Ngoài ra, rất khó để bôi mỹ phẩm một cách đều và đẹp lên mặt, do đó gây khó khăn

cho việc nhận diện sản phẩm trang điểm cho da phù hợp.

Để giải quyết vấn đề trên, rất nhiều nghiên cứu đã liên tục được tiến hành để kiểm soát lượng lấy ra của chất mỹ phẩm đã được tẩm vào miếng xốp một cách hợp lý.

Công bố đơn Hàn Quốc số 2013-001043 bộc lộ lọ chứa mỹ phẩm sử dụng miếng xốp có các đặc tính vật lý khác nhau. Công bố đơn này hướng đến việc thuận lợi khi lấy ra một hợp phần mỹ phẩm đã được tẩm thông qua một miếng xốp có số lượng lỗ nhiều hơn. Tuy nhiên, công bố đơn này không bộc lộ việc giải quyết vấn đề, ví dụ như duy trì lượng hợp phần mỹ phẩm lấy ra một cách đồng đều.

Theo các tài liệu sáng chế liên quan, đã có một nghiên cứu về việc kiểm soát lượng chất mỹ phẩm được lấy ra từ một vật liệu tẩm bằng cách thêm vào cấu trúc, ví dụ như lưới chắn, trên bề mặt của vật liệu tẩm. Tuy nhiên, sau khi áp dụng cấu trúc thực tế lên một sản phẩm, có một vấn đề được nhận thấy là lượng lấy ra không đồng đều và cần chi phí rất cao để sản xuất mỹ phẩm này.

Do đó, các tác giả của sáng chế đã nghiên cứu để phát triển một mỹ phẩm có thể cung cấp một lượng đồng đều chất mỹ phẩm được lấy ra từ vật liệu tẩm và dễ dàng sử dụng. Sáng chế dựa trên nghiên cứu này.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Vấn đề kỹ thuật

Sáng chế được thiết kế để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan và do đó sáng chế hướng đến việc cung cấp một vật liệu tẩm có thể duy trì được lượng hợp phần mỹ phẩm được lấy ra một cách đồng đều, và một mỹ phẩm sử dụng vật liệu này.

Giải pháp kỹ thuật

Để giải quyết vấn đề trên, sáng chế đề xuất một mỹ phẩm thuận tiện sử dụng và lượng hợp phần mỹ phẩm được lấy ra một cách đồng đều.

Ở một khía cạnh của sáng chế, sáng chế đề xuất mỹ phẩm bao gồm một vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng trong đó hợp phần mỹ phẩm được hỗ trợ (cung cấp); và một dụng cụ bôi rời trong đó hợp phần mỹ phẩm được phân phối từ vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng này và được bôi lên da, trong đó vật liệu tẩm bao gồm một phần bị nén trên một bề mặt để tiếp xúc được với dụng cụ bôi.

Sau khi các tác giả sáng chế đã tiến hành nhiều nghiên cứu trong thời gian dài, các tác giả sáng chế nhận ra rằng vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng có cấu trúc dạng ô hở thuận tiện cung cấp và sử dụng hợp phần mỹ phẩm nhưng lượng lấy ra đầu tiên lại quá nhiều, do đó gặp phải khó khăn trong việc kiểm soát lượng lấy ra khi sử dụng dụng cụ bôi. Các tác giả của sáng chế hiện tại hoàn thiện sáng chế dựa trên điểm này.

Mặc dù đã có một số phương pháp kiểm soát lượng lấy ra được đề xuất, nhưng chưa có phương pháp nào để kiểm soát lượng mỹ phẩm lấy ra một cách đồng đều và hiệu quả từ lần đầu tiên sử dụng.

Thuật ngữ “tấm” có nghĩa là làm đầy một khoảng trống bằng cách nhúng nó vào một hợp phần lỏng, ví dụ như chất lỏng. “Tấm” được sử dụng ở đây đề cập đến vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng được tấm hợp phần mỹ phẩm và được sử dụng theo nghĩa rộng để chỉ vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng sao cho hợp phần mỹ phẩm có thể bị hấp thụ.

Trong tài liệu này, “vật liệu tấm” có thể bao gồm bất cứ vật liệu nào trong đó hợp phần mỹ phẩm có thể được tấm vào và có thể có dạng nhiều lỗ rỗng, ví dụ như miếng xốp. Trong phạm vi của sáng chế này, vật liệu tấm tốt hơn là có cấu trúc dạng ô hở, tốt hơn nữa là bọt có nhiều lỗ rỗng bao gồm các lỗ rỗng có cấu trúc ô hở và được tạo thành trong suốt quá trình tạo bọt, và ưu tiên nhất là bọt uretan.

Dụng cụ bôi có nghĩa là một dụng cụ để hợp phần mỹ phẩm được phân phối và bôi lên mặt. Không có bất cứ giới hạn cụ thể nào cho vật liệu hoặc hình dạng của dụng cụ bôi, miễn là dụng cụ bôi có thể phân phối các hợp phần mỹ phẩm dạng lỏng và bôi các hợp phần mỹ phẩm dạng lỏng này lên da.

Theo sáng chế, một bề mặt của vật liệu tấm có thể tiếp xúc với dụng cụ bôi có một phần được nén để kiểm soát lượng chất mỹ phẩm lấy ra. Nói cách khác, các tác giả của sáng chế đã tìm ra thông qua thử nghiệm rằng kích thước lỗ rỗng sẽ giảm tương ứng so với các phần không được nén cho phép lượng mỹ phẩm lấy ra có thể được giữ lại trong phần được nén lâu hơn, do đó có thể tránh được lượng hợp phần mỹ phẩm lấy ra quá nhiều ở lần đầu tiên.

Cụ thể là, dụng cụ bôi được đặt vào máy nén (ví dụ LLOYD LS1) có khả năng tác động cùng một lực, mức áp lực 0,4 kgf/cm² được sử dụng đối với vật liệu tấm trong đó hợp phần mỹ phẩm được hỗ trợ theo như sáng chế trong 3 giây, và sau đó lượng hợp phần mỹ phẩm được phân phối với dụng cụ bôi được xác định sao cho lượng lấy ra có

thể so sánh như một hàm số của số lần áp lực được đặt vào.

Lượng hợp phần mỹ phẩm lấy ra được cung cấp bằng dụng cụ bôi từ vật liệu tấm có một phần được nén theo sáng chế có thể dao động ít hơn 0,03g, tốt hơn là ít nhất 0,02g và tốt hơn nữa là ít hơn 0,015g từ lần tác dụng lực đầu tiên đến lần tác dụng lực thứ 10.

Phần được nén có thể thu được bằng nhiều phương pháp nén khác nhau có khả năng nén lên vật liệu tấm, tốt hơn là sử dụng nén nhiệt.

Phương pháp nén nhiệt được sử dụng ở đây có thể thay bằng áp lực nhiệt và có nghĩa là phương pháp nén gây ra sự giảm tức thì về thể tích dưới áp lực ở nhiệt độ cao. Thuật ngữ “nén nhiệt” được sử dụng ở đây với nghĩa rộng bao gồm không chỉ phương pháp nén nhiệt cho liên kết hợp kim mà còn là phương pháp làm giảm thể tích dưới áp lực ở nhiệt độ và áp suất cao.

Cụ thể là, phương pháp nén nhiệt bao gồm việc tác động lực lên vật liệu tấm với một tấm kim loại đã được làm nóng và có thể sử dụng hệ thống áp lực có cấu trúc mà dầu đã được làm nóng có thể tuần hoàn trong hệ thống để truyền nhiệt ở 500°C hoặc cao hơn. Tốt hơn là, nhiệt có thể được truyền ở khoảng 650°C. Hệ thống áp lực được sử dụng trong sản xuất vật liệu tấm có một phần được nén có thể bao gồm thanh lăn áp lực hình trụ hoặc máy ép nhiệt. Theo như bộc lộ của sáng chế, phương pháp nén nhiệt cho một miếng xốp có thể được tiến hành theo phương pháp thông thường và không bị giới hạn cụ thể. Bề mặt của thanh lăn áp lực hoặc máy ép nhiệt có thể có các họa tiết trang trí định trước được tạo ra bằng cách tạo ra phần nhô ra hoặc các đường rãnh. Điều này cho phép tạo ra các họa tiết trang trí khác nhau trên bề mặt trên của phần được nén.

Phần được nén của vật liệu tấm có thể được tạo ra đáp ứng tỉ lệ 1:4-1:6 [độ dài của phần được nén : tổng độ dài của vật liệu tấm], tốt hơn là ở tỉ lệ 1:4,5-1:5,5.

Ví dụ, bọt có số lượng các ô bọt khoảng 45ppi-65ppi hoặc bọt có mật độ 0,01-0,03 g/cm³ có thể được nén nhiệt theo hướng tiếp xúc với dụng cụ bôi sao cho chiều cao của bọt có thể được giảm xuống 10-30%, tốt hơn là 12-28%, và tốt hơn nữa là 15-25% so với chiều cao trước khi nén nhiệt.

Khi tỉ lệ của phần được nén tăng lên, chi phí cho việc sản xuất vật liệu tấm tăng lên và khả năng lấy ra của lượng mỹ phẩm có thể thấp đi. Khi tỉ lệ của phần được nén bị giảm đi, nó có thể không đạt được đầy đủ hiệu quả mong muốn theo bộc lộ của sáng

chế và có thể gặp khó khăn trong việc tiến hành nén và tạo hình đồng nhất.

Phần được nén có thể có mật độ tương ứng gấp 4-6 lần mật độ của phần không được nén trên vật liệu tấm.

Mỹ phẩm theo sáng chế thu được bằng cách tấm vật liệu tấm có một phần được nén với hợp phần mỹ phẩm. Hợp phần mỹ phẩm là hợp phần mỹ phẩm dạng lỏng và có độ lỏng trong điều kiện 1 atm ở nhiệt độ 25°C.

Tốt hơn là, hợp phần mỹ phẩm có thể là loại hợp phần mỹ phẩm nước trong dầu (W/O), và tốt hơn là bao gồm kem nền, kem chống nắng hoặc loại tương tự. Các thành phần chứa trong kem nền hoặc kem chống nắng có thể là các thành phần được sử dụng hiện nay trong lĩnh vực này.

Mỹ phẩm theo sáng chế có thể bao gồm các yếu tố khác được sử dụng cho mỹ phẩm thông thường, ngoài phần vật liệu tấm được nén và dụng cụ bôi.

Ví dụ, trong trường hợp mỹ phẩm được chứa trong dạng hộp nhỏ gọn, nó có thể bao gồm một chiếc gương và một vỏ có khả năng tách rời vật liệu tấm khỏi dụng cụ bôi. Tuy nhiên, sáng chế này không có giới hạn ở đó và bất kỳ yếu tố nào được sử dụng hiện nay cho các mỹ phẩm thông thường đều có thể được sử dụng.

Ở một khía cạnh khác của sáng chế, sáng chế đề xuất một vật liệu tấm bột uretan cho hợp phần mỹ phẩm có một phần được nén được tạo ra trên một bề mặt của nó.

Vật liệu tấm bột uretan có thể có lỗ rỗng cấu trúc ô hỏ và phần được nén có thể có mật độ tương ứng gấp 4-6 lần mật độ của phần không được nén.

Hiệu quả của sáng chế

Mỹ phẩm theo sáng chế cho phép lấy ra một lượng mỹ phẩm đồng đều từ lần đầu tiên.

Có thể giải quyết vấn đề lấy ra quá nhiều lượng mỹ phẩm từ vật liệu tấm và giảm dần dần lượng lấy ra, và để duy trì liên tục lượng lấy ra.

Theo sáng chế, có thể bôi mỹ phẩm một cách đẹp và đều lên mặt.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig. 1 mô tả cấu trúc ô bọt của vật liệu tấm không được nén và vật liệu tấm được nén tương ứng, trong đó đường kính ô bọt của vật liệu được nén nhỏ hơn xấp xỉ 1,44 lần so với vật liệu không được nén để tạo ra cấu trúc ô bọt dày đặc.

Fig. 2 mô tả các họa tiết khác nhau có thể được tạo ra trên một vật liệu tấm.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sau đây, sáng chế sẽ mô tả chi tiết có tham chiếu đến các ví dụ dưới đây. Tuy nhiên, cần hiểu rằng các ví dụ sau đây không giới hạn phạm vi bảo hộ của sáng chế và các thay đổi và cải biến khác nhau có thể được áp dụng mà không làm thay đổi phạm vi bảo hộ của sáng chế như được nêu trong yêu cầu bảo hộ. Rõ ràng rằng các phương án được lấy làm ví dụ ở đây nhằm làm cho sáng chế được hoàn thiện và dễ hiểu hơn cho người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này.

<Ví dụ 1. Sản xuất vật liệu tấm có phần được nén>

Một miếng xốp tấm polyuretan hình trụ có đường kính 48 mm và chiều dài 11 mm được sử dụng. Miếng xốp này (bọt uretan) bao gồm một phần được nén 2mm từ trên xuống và phần không được nén sẽ không được nén nhiệt. Ở đây, EZ88DH của Foam Tec được sử dụng.

<Ví dụ 2: Xác định đặc điểm vật lý của vật liệu tấm được nén>

1. Mật độ

Sự khác nhau về mật độ giữa vật liệu tấm được nén tới 2mm tính từ bề mặt trên và vật liệu không được nén thông thường đã được xác định.

Như có thể thấy từ Bảng 1 sau đây, một cách tổng thể, vật liệu tấm bao gồm phần được nén có mật độ cao hơn.

[Bảng 1]

Mật độ (g/cm³)

	Miếng xốp thông thường	Miếng xốp được nén
1	0,022	0,031

2	0,022	0,030
3	0,021	0,031
4	0,021	0,031
5	0,021	0,031
6	0,022	0,031
7	0,021	0,031
8	0,022	0,031
9	0,021	0,032
10	0,021	0,031
Trung bình	0,021	0,031

Trong khi đó, sau khi so sánh mật độ của 2 mm phần được nén trong vật liệu tấm có phần được nén với phần 2 mm trong vật liệu tấm không được nén, có thể thấy rằng phần được nén có mật độ ($0,106 \text{ g/cm}^3$) cao hơn xấp xỉ 5 lần mật độ ($0,021 \text{ g/cm}^3$) của phần không được nén.

2. Đường kính ô bọt

Như được thể hiện trên FIG. 1, vật liệu tấm được nén có đường kính ô bọt nhỏ hơn xấp xỉ 1,44 lần so với đường kính ô bọt của vật liệu tấm thông thường và tạo ra cấu trúc dày đặc.

3. Số lượng ô bọt

Sau khi xác định số lượng các ô bọt của phần không được nén và phần được nén, phần được nén có số ô bọt trung bình là 79,9 ppi, lớn hơn so với số ô bọt (55,5 ppi) của phần không được nén, như có thể thấy ở Bảng 2 dưới đây.

[Bảng 2]

	Phần không được nén	Phần được nén
Số lượng ô bọt	55,5 ppi	79,9 ppi

Như có thể thấy từ FIG. 1 và Bảng 2, phần được nén có số lượng ô bọt lớn hơn và tương ứng có kích thước các lỗ rỗng nhỏ hơn so với phần không được nén. Do đó,

các chất trong mỹ phẩm được hỗ trợ bởi vật liệu tẩm có phần được nén không bị lấy ra quá nhiều và lượng lấy ra liên tục có thể được duy trì.

<Ví dụ 3. Chế biến hợp phần mỹ phẩm>

Thành phần và tỉ lệ sau được sử dụng để chế biến hợp phần mỹ phẩm.

[Bảng 3]

Thành phần	Vật liệu (% trọng lượng)	Ví dụ
Thành phần dầu	Xyclopentasiloxan	17,0
	Phenyl trimethicon	14,0
	Caprylic/capric triglyxerit	2,0
	Etylhexylmetoxy xinamat	7,5
	PEG-10 dimethicon	3,0
	Sorbitan sesquioleat	1,0
	Metyl paraben	0,1
Chất làm đặc	Disteardimoni hectorit (Disteardimonium hectorite)	0,2
Màu	Titan dioxit	15,0
	Vàng sắt oxit (Yellow iron oxide)	0,9
	Đỏ sắt oxit (Red iron oxide)	0,2
	Đen sắt oxit (Black iron oxide)	0,1
Thành phần nước	Nước tinh khiết (Purified water)	Cho đủ 100
	Dipropylen glycol	5,0
	Muối	1,0
	Tromethamin	2,5
	Axit phenylbenzimidazol sulfonic	4,0

<Ví dụ 4: Thử nghiệm cho việc xác định lượng lấy ra>

Vật liệu tẩm (Ví dụ 1) được nén/ép và vật liệu tẩm không được xử lý (Ví dụ so sánh) được sử dụng để so sánh lượng lấy ra ở giai đoạn đầu tiên (1-5 lần) với lượng lấy ra sau 6-10 lần sử dụng.

Thử nghiệm được tiến hành như sau.

Bông thoa phân (có sẵn từ S&P WORLD, được cắt theo kích thước 1 cm x 1 cm) được đặt vào máy nén (LLOYD LS1) có khả năng ép một mẫu với cùng một độ sâu trên cùng một diện tích dưới dùng một lực. Sau đó, lượng hợp phần mỹ phẩm được phân phối từ bột có nhiều lỗ rỗng được tính toán, khi bột có nhiều lỗ rỗng (được cắt theo kích thước có đường kính 4,6 cm x độ cao 1cm) được tẩm hợp phần mỹ phẩm đã được ép trong 3 giây dưới cùng một áp lực (0,4 kgf/cm²). Đơn vị là gam (g).

[Bảng 4]

	Lượng lấy ra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xốp thông thường	0,31	0,26	0,22	0,18	0,2	0,19	0,18	0,16	0,16	0,17
Xốp được nén	0,18	0,19	0,18	0,18	0,17	0,18	0,17	0,16	0,17	0,17

Như được thể hiện trong Bảng 4, sau khi xác định được họa tiết trang trí của lượng lấy ra trong khi sử dụng, có thể nhận thấy rằng vật liệu tẩm thông thường làm cho lượng lấy ra giảm nhanh chóng trong khi vật liệu tẩm được nén lấy ra lượng chứa bên trong một cách đồng đều từ lần đầu tiên.

<Ví dụ 5. Thử nghiệm của người sử dụng>

Mỹ phẩm sử dụng vật liệu tẩm được nén được tẩm hợp phần mỹ phẩm được đánh giá bởi 20 phụ nữ trong độ tuổi 20 – 30 dựa trên thang điểm 5 về mức độ hài lòng, và kết quả được thể hiện trong Bảng 5 sau đây theo giá trị trung bình. Việc đánh giá dựa trên sự dễ dàng khi lấy ra hợp phần mỹ phẩm.

[Bảng 5]

		Xốp thông thường	Xốp được nén
Sự dễ dàng khi lấy ra	Tuần đầu tiên	3	5
	Tuần thứ hai	5	5
	Tuần thứ ba	4	4

Hầu hết người sử dụng đều cho điểm thấp hơn với vật liệu tấm thông thường ở tuần đầu tiên, bởi vì lượng lấy ra lần đầu là quá nhiều và lượng lấy ra giảm đi nhanh chóng. Sau đó, họ cho điểm thấp hơn đối với cả vật liệu tấm thông thường và vật liệu tấm được nén từ tuần thứ ba, vì cả hai vật liệu tấm đều giảm lượng lấy ra và mức độ hài lòng là ít hơn.

Khả năng ứng dụng công nghiệp

Theo sáng chế, có thể đề xuất vật liệu tấm có khả năng duy trì liên tục lượng hợp phần mỹ phẩm lấy ra và mỹ phẩm bao gồm vật liệu tấm này.

YÊU CẦU BẢO HỘ**1. Mỹ phẩm bao gồm:**

một vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng trong đó hợp phần mỹ phẩm nhũ tương nước trong dầu được cung cấp; và

một dụng cụ bôi,

trong đó vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng được làm từ vật liệu duy nhất,

trong đó vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng gồm một phần được nén trên một bề mặt của nó để có thể tiếp xúc được với dụng cụ bôi, và

trong đó phần được nén được tạo ra trên một phần của vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng, vì vậy vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng bao gồm cả phần được nén và phần không được nén.

2. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng có một cấu trúc ô hờ.

3. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng là bọt uretan.

4. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó phần được nén có mật độ tương ứng gấp 4-6 lần mật độ của phần không được nén của vật liệu tẩm có nhiều lỗ rỗng.

5. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó lượng hợp phần mỹ phẩm nhũ tương nước trong dầu được cung cấp bằng dụng cụ bôi cho thấy độ dao động nhỏ hơn 0,03g mỗi lần, khi lượng hợp phần mỹ phẩm nhũ tương nước trong dầu được lấy ra khỏi dụng cụ bôi theo áp lực của vật liệu tẩm của mỹ phẩm dưới áp suất 0,4 kgf/cm² trong 3 giây được đo là 10 lần.

6. Vật liệu tẩm dạng bọt được làm từ vật liệu duy nhất dùng để tẩm hợp phần mỹ phẩm nhũ tương nước trong dầu, bao gồm:

một phần được nén trên bề mặt để có thể tiếp xúc với dụng cụ bôi,

trong đó phần được nén được tạo thành trên một phần của vật liệu tẩm dạng bọt,

và

vật liệu tẩm dạng bọt bao gồm cả phần được nén và một phần không được nén.

7. Vật liệu tấm dạng bọt theo điểm 6, trong đó vật liệu này là bọt uretan.

8. Vật liệu tấm dạng bọt theo điểm 6, trong đó vật liệu này có cấu trúc nhiều ô rỗng hở.

9. Vật liệu tấm dạng bọt theo điểm 6, trong đó phần được nén có mật độ tương ứng gấp 4-6 lần mật độ của phần không được nén của vật liệu tấm dạng bọt.

10. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng là bọt được nén nhiệt được tạo ra bằng nén nhiệt một bọt có số lượng ô từ 45ppi đến 65ppi theo hướng tiếp xúc với dụng cụ bôi sao cho bọt có chiều cao giảm xuống 10-30% so với chiều cao trước khi nén nhiệt.

11. Vật liệu tấm dạng bọt theo điểm 6, trong đó phần được nén được tạo ra bằng việc nén nhiệt.

12. Mỹ phẩm bao gồm:

hộp phân mỹ phẩm dạng nước trong dầu; và

vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng trong đó hộp phân mỹ phẩm được cung cấp,

trong đó vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng được làm từ vật liệu duy nhất,

trong đó bề mặt của vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng được tạo ra với phần được nén, phần được nén và phần không được nén đều có trong vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng.

13. Mỹ phẩm theo điểm 1, trong đó họa tiết trang trí được tạo ra trên bề mặt của vật liệu tấm có nhiều lỗ rỗng bao gồm cả phần được nén và phần không được nén.

14. Vật liệu tấm dạng bọt theo điểm 6, trong đó họa tiết trang trí được tạo ra trên bề mặt của vật liệu tấm dạng bọt bao gồm cả phần được nén và phần không được nén.

FIG. 1

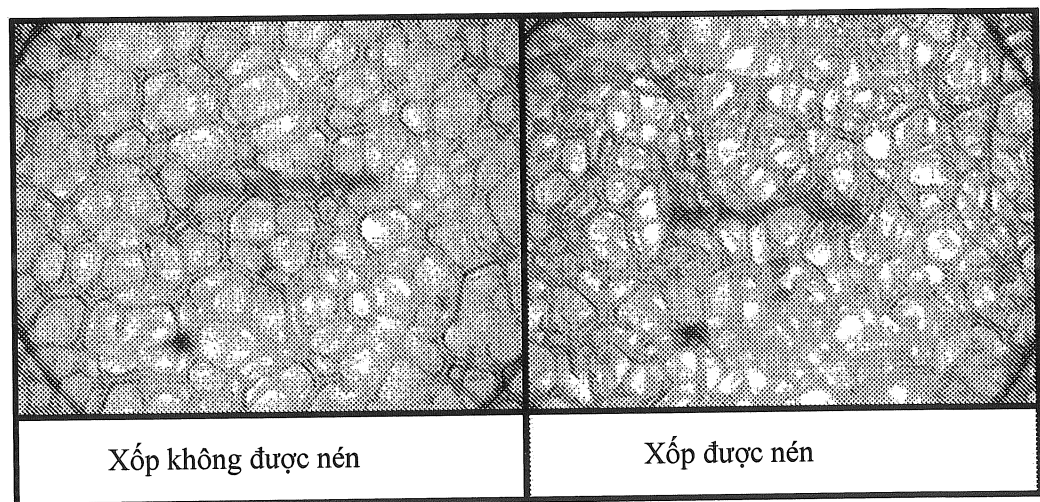


FIG. 2

